

ACTION OF LEAVING IN BRU-VAN KIEU'S STORY FROM AN ANTHROPOLOGICAL PERSPECTIVE

Dam Nghia Hieu^a
Ngo Minh Hien^b

Da Nang University

Email: ^a dnhieu@ued.udn.vn; ^b nmhien@ued.udn.vn

Received: 11/5/2022; Reviewed: 24/5/2022; Revised: 02/6/2022; Accepted: 06/6/2022; Released: 21/6/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/685>

The action of leaving in the Bru-Van Kieu's old story is a particularly outstanding action. It shows the psychology of behavior, thereby expressing the culture of the ethnic group. The action of leaving originates from the socio-historical factors of the ethnic group and from the events in the individual's life. They have made external departures/migration, i.e. geographical departures/migration and also "inside" departures, i.e. mental leavings, which have masquerade meaning to obscure the self in adverse situations. This action in the old story interpreted from an interdisciplinary views has further demonstrated the feasibility and effectiveness of interdisciplinary research, especially research from an anthropological perspective in the current context.

Keywords: *The action of leaving; Old story; Bru-Van Kieu; Migration; Anthropological perspective...*

1. Đặt vấn đề

Chúng ta đang sống trong một diễn cảnh bất đầu và kéo dài từ cuối thế kỉ XX, khi cuộc "khủng hoảng căn tính" diễn ra ngày càng sâu sắc trên toàn thế giới. Philippe Claret trong *Cá tính tập thể của các dân tộc* đã kỳ vọng: "Trên quy mô hành tinh, sự phát triển của những trao đổi và những phương tiện giao tiếp đúng là đang thúc đẩy sự đồng nhất hóa các lối sống và các nền văn hóa dân tộc. Nhưng cũng phải nêu bật lên sự duy trì và thậm chí là tăng cường và cường điệu ý thức về một sự khác nhau" (Claret, 2006). Tuy nhiên, nhân loại lại có vẻ như đang tiến tới theo con đường mà Edgar Morin dự cảm: "Nhân loại vẫn còn ở thời kì vận hành "thử", thế mà chúng ta đã đến gần cái "hậu-nhân-loại" (Morin, 2015).

Trong chuyến viễn du qua hiện hữu này, chúng ta đang đứng trước làn sóng tinh thần dữ dội: khác biệt và hòa nhập, mà thế giới phẳng là bước đà đưa tới cái hậu-nhân-loại. Rồi đây, chúng ta tự đưa mình đến những hiện diện khác, tự phá bỏ sự lệch chuẩn và đồng hóa lẫn nhau. Nhưng dẫu sao, gương mặt riêng mà mỗi tộc người từng có, rất cần thiết phải được gìn giữ, như là di sản chung của tất cả chúng ta, về con đường đã đi qua. Việc tiếp cận và nghiên cứu các tộc người, với thế giới riêng của họ, cá tính riêng của họ, ngày nay chỉ còn những cơ hội ít ỏi.

Truyện cổ Bru - Vân Kiều đến nay vẫn chưa được nghiên cứu chuyên biệt với cơ sở dữ liệu tổng hợp. Đồng thời, việc vận dụng nhân học vào nghiên

cứu truyện cổ theo hướng liên ngành là một hướng đi khả dĩ và đã đạt được nhiều thành quả từ rất sớm. Vì vậy, chúng tôi chọn nghiên cứu hành động ra đi trong truyện cổ để góp phần kiến giải về tâm lý, về tộc người Bru-Vân Kiều.

Dựa vào ngữ liệu truyện cổ, những hệ thống bên ngoài và bên trong, hay những lớp bên ngoài và những lớp bên trong trong tâm thức, trong văn hóa, hiện diện trong một cấu trúc có tương tác, tạo nên năng lực dẫn dắt tính cách/cá tính tộc người. Những va chạm giữa bên trong với bên ngoài đã phá vỡ nhất thể vốn có, tạo nên thế lưỡng lập, mà để giữ được sự cân bằng cần có những bù đắp. Một trong các khả năng bù đắp hay cung cấp vật liệu bù đắp cho những đứt gãy từ lịch sử, xã hội, tâm lý tộc người này chính là lựa chọn ra đi/di cư. Ra đi/di cư là một hành động giả trang (để che giấu cái thực bên trong cái không thực, hoặc để nhấn mạnh cái thực theo cách nghịch dị) vì mục đích tự vệ, vì sự thích ứng với bối cảnh biến đổi.

2. Tổng quan nghiên cứu

Hành động ra đi được hiểu là hành động rời bỏ một không gian quen thuộc để di chuyển đến và cư trú hay gắn bó với một không gian khác. Hành động ra đi là một kiểu phản ứng nổi trội trong tâm lý ứng xử của người Bru-Vân Kiều trong truyện cổ, một kênh "truyền thông" xác tín của tộc người.

Nghiên cứu Hành động ra đi trong truyện cổ Bru-Vân Kiều từ góc nhìn nhân học, cần khảo sát tư liệu từ 3 lĩnh vực sau đây:

Lĩnh vực sưu tầm: Truyện cổ của người Bru-Vân Kiều đã được sưu tầm và xuất bản trong các tổng tập, tuyển tập văn học dân gian (Việt Nam và các tộc người thiểu số Việt Nam) và một số công trình độc lập: *Truyện cổ Vân Kiều*, Nxb. Văn hóa (1974); *Truyện cổ Vân Kiều*, Nxb. Văn hóa dân tộc (1978); *Prnhia đi học khôn*, Nxb. Măng non; *Truyện cổ Vân Kiều*, Nxb. Văn hóa (1985); *Con voi thân*, Nxb. Thuận Hóa (1986); *Truyện cổ Vân Kiều*, Nxb. Văn hóa thông tin; *Truyện cổ Vân Kiều - Tiểu Ca-lang*, Nxb. Lao động; *Truyện cổ Vân Kiều - Trang Tàng*, Nxb. Lao động (2007).

Lĩnh vực nghiên cứu: Nghiên cứu truyện cổ Bru-Vân Kiều, từ lý thuyết folklore, từ góc nhìn ngôn ngữ, từ góc nhìn văn hóa đã được thực hiện từ năm 1961 với các công bố của Bùi Tấn Lộc (1961), *Creation and flood in Bru Legend, Jungle frontier*; John và Carolyn Miller (2002), *Con của mẹ hổ và con của mẹ bò: một cái nhìn sơ khởi về sử thi Bru*, Collected papers on Southeast Asian and Pacific language; Gabor Vargyas (2010), *Thẻ bài của người lính trên mũ shaman*, in trong “Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam” và một số bài giới thiệu mở đầu các tập truyện cổ (kể trên).

Trong bối cảnh nghiên cứu hiện nay, nghiên cứu truyện cổ từ góc nhìn nhân học là một hướng tiếp cận khá đi đạt được những hiểu biết khác/mới về truyện cổ, về tộc người. Hành động ra đi trong truyện cổ Bru-Vân Kiều có thể được nghiên cứu từ lý thuyết di cư như: Lý thuyết về các cơ hội can thiệp (Intervening Opportunities) của Stouffer (1940), Lý thuyết về các không gian xã hội xuyên quốc gia (Transnational Social Spaces) của Pries (1999) và Faist (2000)... (Trang, 2022). Hành động ra đi, ở các giới hạn khác nhau (cá nhân/cộng đồng/nội vùng lãnh thổ/xuyên biên giới), đều là những trường hợp cụ thể của hoạt động di cư. Nghiên cứu một hành động đặc hữu trong truyện cổ, có thể góp phần hiểu cơ chế tâm lý/lựa chọn ứng xử của tộc người.

Lý thuyết về các cơ hội can thiệp (Intervening Opportunities) của Stouffer (1940), nhấn mạnh di cư tỷ lệ thuận với các cơ hội và tỷ lệ nghịch với các trở ngại có thể xảy ra trong quá trình di cư ở nơi đi và nơi đến. Lý thuyết này ngầm coi di cư là hành vi lựa chọn duy lý của cá nhân nhằm tối đa hóa các cơ hội, các lợi ích có thể có và tránh, giảm thiểu các khó khăn, trở ngại (Hùng, 2018).

Lý thuyết về các không gian xã hội xuyên quốc gia (Transnational Social Spaces) của Pries (1999) và Faist (2000) cho rằng tập hợp các vị trí và các mối quan hệ, các tương tác trong các tổ chức, mạng lưới giữa các cá nhân và nhóm xuyên biên giới tạo nên “các không gian xã hội xuyên quốc gia” có thể đóng vai trò thúc đẩy di cư quốc tế. Cơ chế thúc

đẩy ở đây là các vốn xã hội (social capital) trong các không gian xã hội xuyên quốc gia luôn có chức năng cầu nối; và các nguồn lực có thể giúp người di cư vừa thực hiện được mục đích, vừa tăng cường vị trí, vai trò và các mối quan hệ của họ. Di cư không đơn giản là sự di chuyển trong không gian địa lý hoặc giữa các không gian địa - chính trị, địa - kinh tế mà còn bao hàm cả sự di chuyển giữa các không gian xã hội gồm cả không gian vật chất và không gian tinh thần, văn hóa, xã hội. Điều đặc biệt là người di cư không chỉ di chuyển vị trí của họ trong các không gian xã hội mà còn có thể góp phần biến đổi, mở rộng và phát triển các không gian xã hội đó (Hùng, 2018).

Nghiên cứu hành động ra đi trong truyện cổ của người Bru-Vân Kiều từ góc nhìn nhân học, lý giải hành động từ các lý thuyết di cư như lý thuyết về các cơ hội can thiệp và lý thuyết về các không gian xã hội xuyên quốc gia là một minh chứng cho tính khả thi của việc nghiên cứu nhân học tộc người từ folklore nói chung và truyện cổ nói riêng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu vấn đề *Hành động ra đi trong truyện cổ Bru-Vân Kiều từ góc nhìn nhân học*, chúng tôi vận dụng cách tiếp cận folklore để bóc tách, phân tích và hệ thống các nội dung cần thiết từ ngữ liệu truyện cổ; đồng thời vận dụng cách tiếp cận nhân học để kết nối các lý thuyết, các thông tin của tộc người nhằm mục đích cuối cùng là lý giải hành động ra đi trong truyện cổ, nhận định xu hướng, cơ chế tâm lý/lựa chọn ứng xử mang tính đặc trưng của tộc người. Từ cách tiếp cận này, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê số liệu từ ngữ liệu truyện cổ; phương pháp hệ thống; phương pháp phân tích và phương pháp tổng hợp để xử lý số liệu để đưa ra nhận định về vấn đề.

4. Kết quả nghiên cứu

Hành động ra đi trong truyện cổ Bru-Vân Kiều từ góc nhìn nhân học như sau:

4.1. Những cuộc ra đi bên ngoài

Ra đi là một lựa chọn giả trang tinh thần. Những cuộc xê dịch về mặt không gian là những cuộc ra đi bên ngoài. Họ khoác chiếc áo vắng mặt để công khai bảo vệ sự có mặt bí mật trước áp lực của thực tại, tức là ra đi nhằm giảm thiểu các trở ngại, khó khăn. Truyện cổ Bru-Vân Kiều là thế giới của những cuộc ra đi - giả trang này. 75 trong số 98 truyện cổ của họ đã chọn ra đi như một cơ hội cho tồn tại cá thể và tồn tại tộc người.

Ở phạm vi tộc người, *thứ nhất*, câu chuyện đầu tiên về cuộc ra đi kể: “Người Bru vốn sinh sống ở Lào, vì tránh nạn giặc giã mà hai anh em đã theo hai nhóm người chia nhau hai ngã, người anh chạy sang Thái Lan còn người em chạy sang Việt Nam”

(Dật, 1975). Nhóm Bru sang Việt Nam là tổ tiên của người Bru-Vân Kiều ngày nay. Sự cố thác chạy này còn được nhắc đến trong truyện kể về *mu* Taplen. Tiếp tục những cuộc hành trình, dù lớn hay nhỏ, trong đời sống sau này của người Bru-Vân Kiều chỉ là việc nối dài chuyến đi của tổ tiên.

Đến Việt Nam, đa phần người Bru sống cô lập trong những vùng núi rừng xa xôi, một vài nhóm nhỏ đã từng đi ra tận biển, để tìm vùng đất thấp như quê hương tổ tiên, nhưng gặp phải cuộc nam tiến ô ạt của người Việt, họ lại bị đẩy trở về núi. Thế kỉ XX với nhiều biến động ở Đông Dương và đặc biệt ở Việt Nam sau 1954, đã đưa đến số phận người Bru-Vân Kiều phải thêm vài lần rời vùng đất cũ; đến sinh sống tập trung ven quốc lộ 9 (tuyến giao thông chính từ núi ra biển (Bchroch, 1966) (1965) và chuyển vào Đắc Lắc (1972) theo chính sách di dân của Việt Nam Cộng hòa.

Thứ hai, người Bru-Vân Kiều kể về những chuyến đi để giảm thiểu/tránh các tác nhân cản trở, khó khăn và những mối đe dọa nguy hiểm, như thiên tai: “Tất cả người và loài vật ở xứ Khùa đều đến hai vực nước này ở, ăn, uống mà sống. Đến khi có mưa, các khe suối có đầy nước, người mình chia nhau ra đi đến các khe suối ở làm ăn” (Dự, 2010). Để đi tận bản làng đi theo nguồn nước, họ ra đi.

Để đi tận bản làng khỏi sự cao thuế nặng và tránh sự ràng buộc với những nhà nước lân cận, họ cũng ra đi: “Hai người xuất đem chia hết của cải, vàng bạc cho từng gia đình và cho họ phân ra các ngã dọc hai triền sông Xê-băng-hiên dựng nghiệp làm ăn” (Tán, 1986).

Sống cô lập giữa núi cao, rừng sâu, họ rất thường phải đối mặt với nạn hủy diệt và cướp bóc: “Bồng đầu có một lũ nhấc từ phía rừng đang đêm đến cướp bản... Trong cơn loạn tưng, A-nha và những người sống sót bỏ bản, nhằm theo hướng rừng chạy trốn” (Tán, 1978). Những chuyến đi chung của người Bru-Vân Kiều là cuộc đấu tranh sinh tồn, là theo đuổi sự sống. Việc chuyển hóa những nguyên nhân ra đi từ lịch sử tộc người vào truyện cổ nhằm hợp thức sự chuyển hóa trong tâm lý của họ, một kiểu thỏa hiệp, để thay đổi bên ngoài để được duy trì bản thể bên trong.

Ở phạm vi cá thể, từ những chuyến đi lớn của bản làng, của tộc người đến những quyết định ra đi riêng của cá nhân, người Bru-Vân Kiều đều hướng tới việc xê dịch vị trí để giảm áp lực, giảm sự đe dọa và kiểm soát của thực tại. Điều này được lý giải từ lý thuyết về các không gian xã hội xuyên quốc gia về việc các cộng đồng di cư có thể góp phần biến đổi, mở rộng, phát triển không gian xã hội nơi họ đến.

Thứ ba, đối mặt với nỗi buồn trong đời sống gia

đình, người Bru-Vân Kiều sẵn sàng ra đi. Vợ chồng bội bạc nhau, họ ra đi: “Ai Ca-đeng thấy vợ mình đang nằm chung với thằng con A-nha... Từ đó hai người ra đi” (Tán, 1974); hay nàng bỏ tốt vì tự tôn dòng họ, cũng dứt khoát ra đi “Chị gạt nước mắt ầm cả hai đứa con chạy thẳng ra phía đàn bò ở bên rẫy” (Tán, 1976). Anh em, chị em phản bội/xúc phạm nhau, họ ra đi: “Tiều Poòng buồn rầu chán nản (vì bị chị gái của vợ lừa) và lòng mãi nghi hoặc. Anh bỏ nhà ra đi, nói lừa với Rú Rooc là mình đi buôn một chuyến” (Tán, 1978); Khi bị cha mẹ lừa dối, ép duyên, họ cũng ra đi: “Biết chắc mình bị lừa, giận cho người nhà bội bạc, Ra-xút không thèm quay lại nhà, mà nhằm về phía núi xa đi lang thang mãi miết” (Tán, 1974). Người Bru-Vân Kiều vốn xưa “chỉ biết tin nhau, chứ không có quyền hoài nghi nhau. Ai mất lòng tin thì bị đuổi ra khỏi bản hoặc giết chết” (Tán, 1974). Khi đối mặt với sự phản trắc của người nhà, thay vì đưa ra sự trừng trị (luật ngầm định của cộng đồng), họ lại lựa chọn ra đi.

Thứ tư, người Bru-Vân Kiều ở phải nơi đất xấu, gặp và kết bạn nhằm người xấu, họ lại ra đi: “Em ơi. Ta càng leo cao lên núi càng ít gặp người tốt... Vợ chồng mình qua bên này sườn núi và xuôi theo con nước thôi, em ạ” (Tán, 1985b). Ở hoàn cảnh đó, họ sẽ bỏ đi hẳn, đi đến những nơi càng xa càng tốt, và tin rằng con ma xấu nơi đất xấu, người xấu không thể theo họ nữa.

Thứ năm, người Bru-Vân Kiều còn kể trong truyện cổ của họ những cuộc vượt thoát để theo đuổi tình yêu. Vượt qua mọi ràng buộc xã hội, ràng buộc gia đình là cuộc vượt thoát A-mang (con gái a-nha) và Xà-nông (chàng mồ côi nghèo): “bỏ bản, bỏ làng, nơi có ả no, nhưng lắm điều khắc nghiệt đối với trái tim con trẻ, để được yêu nhau ở một nơi xa lạ, đầy tự do, như đôi chim trên sườn núi” (Tán, 1985b). Thậm chí, họ còn sẵn sàng chết đi, chuyển sang thế giới khác để được theo đuổi tình yêu, như Tiều-lu và U-pên trong truyện cùng tên. Tình yêu với ý nghĩa tinh thần là “tiếng gọi của tâm hồn mong đợi được tôn thờ” (Morin, 2015), thì ra đi vì tình yêu chính là ra đi để kiếm tìm và gìn giữ bản thể, ra đi để tránh sự kiểm soát, để thỏa thuận tồn tại tình yêu với nguyên tắc cộng đồng không bị vi phạm.

Thứ sáu, ra đi như phản xạ tự vệ, trở thành tâm thức yêu chuộng tự do của người Bru-Vân Kiều trong truyện cổ. Với những kết nối lỏng từ tinh thần đến các mối liên hệ đời sống, xem rừng núi là nhà, họ đi và dừng chân bất cứ đâu, “Cha ta cho ta cái chân để đi khắp rừng núi. Nơi nào thích ta đến, nơi nào buồn ta đi” (Tán, 1974).

Thứ bảy, đi làm ăn xa, hay đi tìm kiếm cơ hội về của cải, tài sản: “Người cha bảo các con: Nay các

con đã lớn, các con phải đi buôn, đi bán một chuyến xem sao...” (Tân, 1985b). Đi làm ăn xa thường là đi buôn bán với người đồng bằng, hay người Lào. Họ thường đem những sản vật của rừng để đổi lấy váy áo, muối và những đồ đồng, sành sứ, trang sức. Ngoài buôn bán, họ còn ra đi để tìm đất dựng nhà, phát nương, làm rẫy, “Đưa cháu chôn bà xong, liền buộc hai gác nai bằng một sợi dây dài và kéo đi khắp rừng khắp núi” (Tân, 1974).

Một trong các lựa chọn của việc ra đi là sự trở về. Khi ra đi vì mục đích tự vệ thì ra đi ấy là cuộc trở về an trú trong tâm hồn. Họ ra đi để tránh nạn, ra đi để trốn chạy thân phận hay ra đi vì tình yêu và tự do đều là những chuyến đi sinh tồn, sinh tồn thân xác và sinh tồn tâm linh. Trong tâm thức họ, nhà cũ, bản cũ và nương rẫy cũ chưa bao giờ là sự lãng quên, chưa bao giờ mất dấu: *Chuyện con nai vàng* kể về chú bé lạc mẹ đi lang thang trong rừng, được một ông lão che chở đã về ở trên sân của ông, ngủ bên bếp lửa nhà ông (sau này mới hay đó là ông ngoại). Họ mang tâm thức tự do giống như tự do của nương rẫy, rồi đi để trở về, và trở về để lại ra đi.

Ngoài việc ra đi tự thân, truyện cổ Bru-Vân Kiều còn kể về những hoàn cảnh phải rời khỏi bản làng, gia đình vì bị ruồng bỏ. Đó là khi đứa con bất hiếu với cha mẹ (*Chấn Tha khạt*) hay phạm tội loạn luân (*Tiểu-lu U-pên*), nó sẽ bị gia đình chối bỏ. Đó là khi một thành viên vi phạm vào các thỏa ước của cộng đồng, như nói dối (*Trạng Tằng, Chiềng Priềng*); trộm cắp (*Xu Na Vông*), họ sẽ bị dân bản buộc phải ra đi. Có khi nghèo cũng là một nguyên nhân mà một hay nhiều thành viên bị đuổi khỏi tổ chức đời sống chung của bản làng, như hai ông cháu trong *Dàng A lịch*, anh mồ côi trong *Đốt nhà cháy quan*; hay người tật nguyền, dù dân bản có xót thương, nhưng các A-nha, người giàu có và quyền lực trong làng không thừa nhận và buộc họ phải rời đi, như truyện *Anh mù và anh gù lưng, Tiểu A-lé*. Cả người lương thiện kết giao với người bệnh tật, có khi cũng bị đánh bật khỏi cộng đồng, như cô gái út con của A-nha trong truyện *Tiểu A-lé*. Ngoài quyền năng của những lời nguyện, sự sa ngã lòng người cũng là nguyên do ruồng bỏ tinh thần (Tân, 1985b).

Bị động hơn cả là bị bỏ rơi (tức bị mang đến nơi không thể quay về). Truyện cổ Bru-Vân Kiều xuất hiện nhiều tình huống trẻ mồ côi bị đi ghê, có khi, bị chính cha ruột bỏ rơi: “Sáng sớm hôm sau A-nha gọi một người đầy tớ tin cậy trao cho việc đi thả vợ con vào rừng và làm đúng như lời ông lão báo mộng” (Tân, 1985b); “Ông già nghe lời xúi giục của Rú-rooc muốn ném Xadie ra rừng cho nó sống cùng muôn thú” (Tân, 1978). Buộc một vài cá nhân rời khỏi gia đình, bản làng là sự thương lượng về sự tồn tại của họ bên ngoài những nguyên tắc và trách nhiệm của cộng đồng.

4.2. Những cuộc ra đi bên trong

Những cuộc ra đi bên trong là những xê dịch hoàn toàn mang tính tinh thần. Nó không có bất kỳ biểu hiện nào để người khác có thể nhận biết bằng các giác quan. Những chuyến đi này diễn ra vô hình trong tâm thức. Đó là một giả trang tinh thần, chuyển hóa trong ý thức/vô thức mất tên gọi các dòng họ; mất totem hay nhại totem. Những hiện tượng này có thể lý giải thông qua lý các không gian xã hội xuyên quốc gia “di cư không đơn giản là sự di chuyển trong không gian địa lý hoặc giữa các không gian địa - chính trị, địa - kinh tế mà còn bao hàm cả sự di chuyển giữa các không gian xã hội gồm cả không gian vật chất và không gian tinh thần, văn hóa, xã hội” (Hùng, 2018).

Thứ nhất, về tên gọi các dòng họ Bru-Vân Kiều, đã có nhiều nghiên cứu văn hóa đề cập đến. Vương Hoàng Tuyên trong *Các dân tộc nguồn gốc Nam-Á ở miền Bắc Việt-Nam* (1963) nhắc đến 7 mô (dòng họ) ở thôn Vĩnh Khê, miền tây Vĩnh Linh. Vũ Lợi (1987) sơ bộ thống kê các mô của người Bru - Vân Kiều ở thời điểm nghiên cứu. Nguyễn Xuân Hồng (1994) trong *Dòng họ của người Tà - ôi, Cơ - tu và Vân Kiều* giới thiệu 14 dòng họ và vật tổ của họ. Nhóm tác giả Nguyễn Văn Mạnh (2001) trong *Luật tục của người Tà ôi, Cotu, Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế* đã nêu cụ thể 6 dòng họ và 6 điều kiêng kỵ tương ứng. Y Thi (2007) trong *Văn hóa dân gian người Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị* đề cập đến nhiều dòng họ. Tuy hầu hết dừng lại ở việc liệt kê tên gọi và dịch nghĩa tên gọi (chưa đầy đủ), nhưng đã cùng khẳng định cộng đồng tộc người Bru-Vân Kiều có sự sắp xếp, tổ chức đời sống theo các dòng họ.

Dòng họ (mô) là tập hợp những người cùng dòng máu, sinh sống quần tụ cùng nhau trong lãnh thổ riêng, Mô là ranh giới để xác định và thực hiện nguyên tắc hôn nhân ngoại tộc. Mô chịu trách nhiệm bảo vệ đời sống của mọi thành viên, và mọi thành viên có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện các nguyên tắc của mô. Mô theo ý nghĩa ấy là một dòng họ-thị tộc, tức tên gọi này liên quan đến nguồn gốc, hay cảm kỳ của dòng họ. Mỗi mô Bru-Vân Kiều có rừng ma riêng, là nơi cư trú của những linh hồn người quá cố. Việc người từ mô này sang sinh sống cùng một mô khác phải được sự đồng ý của Dàng (yang), của suất và A-nha, của tất cả dân bản, và phải thực hiện nghi lễ nhập làng. Truyện *Piềng-riềng* kể vợ chồng Piềng-riềng đã cứu sống đứa trẻ con nhà A-nha “quý hơn cả giỏ vàng, quý hơn cả gùi bạc” và được A-nha chia cho một nửa gia tài, nương rẫy; thế nhưng, khi A-nha và dân bản muốn họ ở lại, họ vẫn rất e dè: “Chúng tôi ở lại với A-nha, vợ chồng chúng tôi khác mô, khác dòng máu với dân bản, mong A-nha, dân bản che chở, thương giùm” (Tân,

1985b). Ngoài ra, trong 2 chuyến đi thực tế (năm 2017), chúng tôi sưu tầm được 10 truyện có nội dung kể về nguồn gốc các dòng họ là tên các dòng sông, suối, các loài cây, con vật.

Đó là những câu chuyện kể trong quá khứ. Thực tế ngày nay, hầu hết người Bru-Vân Kiều mang họ Hồ, là một họ của người Kinh. Đi kèm theo câu chuyện về hiện tượng này là quan niệm cho rằng người Bru-Vân Kiều trước đây vốn không có họ: “Người Khùa, Vân-kiều, Bru, Sô, Mãng-cong, Trĩ trước năm 1945 đều không có họ... Sau năm 1945, các nhóm người trên mới lấy họ Hồ làm họ chung cho tất cả mọi người” (Đường, 1964). Điều này ở chừng mực nào đó, có thể phù hợp với tình trạng truyện cổ đã xuất bản của người Bru-Vân Kiều. Tuy nhiên, đối chiếu với các tài liệu nghiên cứu văn hóa, và việc xác minh trên thực tế của chúng tôi (đã trình bày trên đây) thì chưa chính xác. Đây là sự nhầm lẫn giữa dòng họ-thị tộc với cách gán họ-nhân danh của người Kinh vào tên gọi trong quá trình điều tra nhân khẩu. Chỉ xét riêng trường hợp tổ chức hôn nhân với nguyên tắc ngoại tộc và những cấm kỵ chặt chẽ giữa các mô, thì việc lấy cùng một họ cho tất cả mọi người sẽ làm nảy sinh mâu thuẫn và phá vỡ những luật định nghiêm ngặt của cộng đồng. Điềm trắng đặc biệt này trong truyện cổ, hẳn là một giả trang, một hành động “ra đi” trong tinh thần, tức từ bỏ một điều quen thuộc để di chuyển sang một điều khác, nhằm mục đích đi tìm cơ hội, hoặc giảm thiểu tác nhân cản trở.

Ngày nay, nơi sinh sống tập trung nhất của người Bru-Vân Kiều là vùng Quảng Trị và Quảng Bình, hầu hết mọi người mang họ Hồ; tuy nhiên, một bộ phận nhỏ cư dân Bru-Vân Kiều di cư vào Đắc Lắc từ 1972 thì không mang họ Hồ. Họ hoặc là lấy lại họ-thị tộc (và giữ nguyên cách đặt tên gán với họ-nhân danh như người Kinh), hoặc đổi thành tên Thánh (những người Bru-Vân Kiều theo đạo Tin lành). Việc giả trang bằng tên họ có thể bảo vệ sinh tồn và đời sống tộc người trước những khác biệt, đối thay và sức ép của thực tại.

Điều này xuất hiện trong nhiều tình huống truyện. Một là nhân vật trở thành người duy nhất hiểu được tâm sự, tiếng nói và thấy được hình ảnh thật của con vật hay cây cối, từ đó kết duyên vợ chồng/anh em: “Theo hướng tay chỉ của mẹ, cô gái thấy bên gùi có một anh con trai đẹp đang đưa mắt liếc nhìn mình... Bà mẹ chỉ thấy ngay con trần to tướng đã trườn ra khỏi gùi” (Tân, 1978). Hai là giải thích niềm tin con người và các loài thú rừng, cây cối có thể nói chuyện được với nhau. Ba là người kết nghĩa với thú/với thần linh và có được những khả năng của người anh em kết nghĩa. Đây là sự đồng hóa/mơ ước cầu đồng nhằm an toàn/tăng sức mạnh của con người (truyện *Ai Ca Đeng*).

Xa xưa hơn tôtem của từng dòng họ là tôtem chung của tộc người. Về vật tổ của người Bru-Vân Kiều, có nhiều giả thiết: “Huyền thoại đó kể về mối quan hệ nguồn gốc của bộ lạc này với một con chó - tổ tiên” (Vargyas, 1998). G. Vargyas (1998) thì tin vào nguồn gốc này (chuyện do Malpuetch được nghe và kể lại - khoảng 1920). Nguyễn Xuân Hồng (1984) đã từng nhắc đến chuyện con chó khi nói về nguồn gốc người Bru-Vân Kiều trong truyện thuyết. Joaon (1966), Y Thi (2007) khẳng định người Bru-Vân Kiều có thực hành nghi lễ đâm trâu. Cùng với tục cà răng và xâu tai, đâm trâu là dấu vết của tín ngưỡng tôtem bái con trâu làm vật tổ. Trong tất cả truyện cổ đã được xuất bản và cả những chuyện chúng tôi được nghe kể khi đi thực tế, không có truyện nào kể về tổ tiên - con chó của họ, và cũng không có truyện nào kể về vật tổ là con trâu. Chỉ duy nhất một truyện *Vì đâu có tục cưa răng* có nhắc đến và lý giải về tục cưa răng, còn gọi là cà răng, một máu chót đơn độc trong dấu vết tôtem trâu mà thôi.

Căn cứ vào các yếu tố của truyện thì việc cà răng có liên quan mật thiết với tục đi sim. Vì lời nguyện xa xưa về Amang và Xà-nông, trai gái trước khi được phép đi sim phải cà mòn răng để không cắn chết nhau. Tuy nhiên, đây có thể được hiểu là thử thách dành cho những đứa trẻ, ai vượt qua thì mới được cộng đồng thừa nhận là một thành viên chính thức/thành viên trưởng thành. Khi đó, họ mới có cơ hội đi sim, tìm kiếm bạn tình. Nếu điều này là đúng, thì lẽ ra, hiện tượng cà răng phải được lặp lại trong truyện cổ với tần số tương tự, hoặc xoay quanh tần số của hiện tượng đi sim. Tuy nhiên, trên thực tế văn bản thì đi sim xuất hiện trong 13/98 truyện. Như vậy, cà răng đã trở thành vết mờ hay đang dần mất liên kết với tục đi sim/nghi lễ trưởng thành.

Nếu dấu vết của tục cà răng là dấu vết sót lại của tôtem trâu, vẫn đề vướng mắc ở chỗ, trong truyện cổ của người Bru-Vân Kiều, hoàn toàn không nhắc đến tục đâm trâu. Trong khi, các nghiên cứu văn hóa (kể trên) cho rằng họ có lễ đâm trâu. Tuy nhiên, chúng tôi thăm hỏi trên thực địa thì họ khẳng định không có nghi lễ này. Như vậy, hoặc là họ vốn thực hành tôtem trâu trong quá khứ, nhưng đã lựa chọn giả trang tinh thần bằng cách chối bỏ để che màn bí mật về thế giới của mình, không bao giờ hé lộ cho người khác.

Nếu không là mảnh vỡ sót lại của tôtem trâu thì cà răng có thể là hình ảnh nhại tôtem. Đó là sự bắt chước các bộ tộc lân cận nhưng không trọn vẹn. Tuy nhiên, khi di cư đến vùng đất mới, sống bên cạnh/gần gũi những bộ tộc với tính cách mãnh liệt hay các bộ tộc Tây Nguyên, chưa dứt hẳn thời kỳ tranh chấp từ chế độ mẫu hệ sang phụ hệ, họ dần dần bắt chước những người láng giềng. Sự bắt chước ấy

mặc dù hướng tới mục đích giả trang và cầu đồng, nhưng âm thầm trải qua bộ lọc tính cách, văn hóa, thẩm mỹ của họ. Tục cà răng dù là dấu vết của nghi lễ trưởng thành, là mảnh vỡ của totem trâu hay nhai totem trâu thì đó cũng là một giả trang, một hành động ra đi trong tâm thức.

Mất liên kết với totem ở giai đoạn sớm và mất tên gọi dòng họ ở giai đoạn muộn là sự xa rời thế giới bản nguyên, là những cuộc ra đi từ bên trong. Những mảnh vỡ rơi trong tâm thức, tạo thành những vết mờ là hệ quả của những biến cố tâm lý. Ra đi từ một lựa chọn của lịch sử tộc người đã thành một phản xạ. Trong truyện cổ Bru-Vân Kiều, sự ra đi này, ngoài vai trò là một hành động chức năng, còn là ảnh xạ của lịch sử, của chấn thương tâm lý mà tộc người đã trải qua khi bị mất quê hương và bị đẩy dần lên vùng núi cao trung Việt ngày nay. Đó là số phận riêng của Bru-Vân Kiều đã khắc đậm thành mặc cảm ra đi trong truyện cổ của họ.

5. Thảo luận

5.1. Ra đi để thích ứng với bối cảnh

Trong các tình huống của truyện cổ, người Bru-Vân Kiều tiến hành những cuộc ra đi bên ngoài và bên trong để tự vệ trong hoạn nạn. Họ ra đi khi chịu áp lực từ thực tại (chiến tranh giành đất đai), ra đi vì các mối đe dọa, ra đi vì các biến cố đời sống hay ra đi tìm kiếm các cơ hội nhưng họ luôn dằn dặt nhớ mong và riết róng trở về. Sự che đậy từ bên ngoài tạo ra khoảng không an toàn cho bên trong tự vệ. Giữ được sinh tồn, họ đứng trước sự hoài vọng tha thiết về bản thể (sự hoài vọng nguyên thủy của con người), và đặt mình trong lựa chọn đối kháng và thích nghi. Lựa chọn ra đi để tránh, để giảm thiểu các trở ngại, khó khăn, đồng thời, tối đa hóa các cơ hội: cơ hội sinh tồn cho tộc người, cơ hội có cái ăn và cơ hội an toàn cho cá thể. Trong truyện cổ, các cuộc di cư chủ yếu xuất phát từ sự xuất hiện của các tác nhân xấu, tức di cư bị động; rất hiếm các cuộc di cư chủ động khi nhìn thấy trước các cơ hội ở vùng đất khác. Vì vậy, việc tối ưu cơ hội của các cuộc di cư/hành động ra đi của tộc người trong truyện cổ là hành trình đi tìm cơ hội, là hành trình thích ứng không ngừng với sự thay đổi bối cảnh.

5.2. Ra đi là xu hướng tinh thần thể hiện cá tính tộc người

Từ thế kỷ XIII, lưu vực sông Mê-kông và cao nguyên Đông Dương trở thành chiến trường trong các cuộc tranh chấp lãnh thổ và địa bàn cư trú với các thế lực từ phương Bắc. Dưới áp lực sinh tồn, các nhóm Bru đã thực hiện giả trang bằng những cuộc ra đi. Người Bru-Vân Kiều đã ở lại rừng núi Trường Sơn. Đây là thời kỳ phóng chiếu cuộc tranh chấp bên ngoài vào tâm thức, tạo thành cuộc tranh chấp tinh thần bên trong. Thế giới mới của họ đã

được tạo dựng từ những cuộc ra đi bên ngoài và bằng những cuộc ra đi bên trong. Sự giằng co trong tâm thức nhiễu loạn luôn diễn ra theo sự thôi thúc của tinh thần hòa hợp, xu hướng tâm lý mang tính di truyền tộc người. Cuối cùng, họ đã tạo dựng các quy ước từ các tình huống giao kết, hợp tác và ước mơ theo nguyên tắc kết nối, tôn trọng và bù trừ, lấy sự thích nghi bên trong, thích nghi tự nguyện làm chỉ dấu cho ứng xử tộc người.

Cả những chuyến đi bên ngoài và những chuyến đi bên trong đều là những lựa chọn di cư, di cư trên thực địa và di cư trong tâm thức. Ra đi là hành động giả trang để tạo nên sự tương đồng với thế giới xung quanh, hoặc là để bảo vệ sự khác biệt, bảo vệ bản nguyên trong thỏa thuận ngầm công khai với thực tại. Phản ứng ra đi và số phận tha hương là vòng xoay chưa dừng trên hành trình tộc người của họ. Người Bru-Vân Kiều qua những biểu trưng tâm lý, diễn giải trong truyện cổ, đã bộc lộ mình với tâm nguyên và khả năng thích nghi mạnh mẽ. Sẵn sàng cởi mở, hòa hợp để tự vệ, để sinh tồn và để quay về bản nguyên.

6. Kết luận

Hành động ra đi trong truyện cổ Bru-Vân Kiều là một hành động nổi trội, có ý nghĩa thể hiện xu hướng tâm lý tộc người. Nghiên cứu hành động ra đi từ các lý thuyết di cư, văn hóa cho thấy các động cơ, các trường hợp cụ thể được thể hiện trong truyện cổ đã chứng minh được tính khả dĩ của việc khảo sát một đối tượng folklore từ góc nhìn nhân học. Hành động ra đi của tộc người hay của các thể, chịu sự tác động của các tác nhân khác nhau, đều cùng mục đích đi tìm cơ hội cho sinh tồn tộc người và phát triển đời sống cá nhân, phát triển đời sống cộng đồng. Trong hành trình đó, các cuộc ra đi còn góp phần mở rộng và phát triển các không gian xã hội nơi họ đến, bằng đa dạng văn hóa, bằng tinh thần hòa hợp, kết nối. Nghiên cứu hành động ra đi trong truyện cổ từ góc nhìn nhân học còn góp phần lý giải, dự báo động cơ, tình trạng di cư của tộc người trong đời sống hiện đại, góp phần công tác bảo tồn văn hóa tộc người hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Bchroch, J. L. (1966). *Người Bru* (P. K. Hồng, dịch). Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội: Bộ Quân lực Mỹ xuất bản.

Claret, P. (2006). *Cá tính tập thể của các dân tộc* (L. Diên, dịch). Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Phương Đông.

Dật, P. H. (1975). *Vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Dự, Đ. T. (2010). *Văn hóa dân gian Bru-Vân Kiều, Chứt ở Quảng Bình, tập 1*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.

Đường, M. (1964). *Các dân tộc miền núi Bắc Trung Bộ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Hùng, L. N. (2018). Các lý thuyết về di cư và vận dụng trong chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam. *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 8.

Morin, E. (2015). *Phương pháp 5 Nhân loại về nhân loại* (C. T. Ánh, dịch). Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Tần, M. V. (1974). *Truyện cổ Vân Kiều*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa.

Tần, M. V. (1978). *Truyện cổ Vân Kiều*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.

Tần, M. V. (1985a). *Prnhia đi học khôn*. Hà Nội: Nxb. Măng non.

Tần, M. V. (1985b). *Truyện cổ Vân Kiều*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa.

Trang, N. T. (2022). Di cư nội địa của các tộc người thiểu số - nhìn từ lý thuyết lực hút - lực đẩy đến chính sách dân tộc. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, 11(1).

Vargyas, G. (1998). *Người Bru qua một thế kỉ văn học* (N. B. Lợi, dịch). Hà Nội: Thư viện Viện Dân tộc học.

HÀNH ĐỘNG RA ĐI TRONG TRUYỆN CỔ BRU-VÂN KIỀU TỪ GÓC NHÌN NHÂN HỌC

Đàm Nghĩa Hiếu^a
 Ngô Minh Hiền^b

Đại học Đà Nẵng

Email: ^a dnhieuh@ued.udn.vn; ^b nmhienn@ued.udn.vn

Nhận bài: 11/5/2022; Phân biên: 24/5/2022; Tác giả sửa: 02/6/2022; Duyệt đăng: 06/6/2022; Phát hành: 21/6/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/685>

Hành động ra đi trong truyện cổ Bru-Vân Kiều là một hành động đặc biệt nổi trội. Nó thể hiện tâm lý ứng xử, qua đó thể hiện văn hóa của tộc người. Hành động ra đi bắt nguồn từ những tác nhân lịch sử - xã hội của tộc người và từ những biến cố trong cuộc sống của cá thể. Họ đã thực hiện các cuộc ra đi/di cư bên ngoài, tức các cuộc ra đi/di cư về mặt vị trí địa lý và cả các cuộc ra đi “bên trong”, tức những cuộc dịch chuyển về mặt tinh thần, có ý nghĩa giả trang để che khuất bản thể trong những tình huống bất lợi. Hành động này trong truyện cổ được lý giải từ quan điểm liên ngành đã góp thêm một minh chứng cho tính khả dĩ và hiệu quả của nghiên cứu liên ngành, đặc biệt là nghiên cứu từ góc nhìn nhân học trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Hành động ra đi; Truyện cổ; Bru-Vân Kiều; Di cư; Góc nhìn nhân học.